

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu- chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác tại đơn vị đầu năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ .

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của quận Long Biên.

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Đức Giang

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách và các khoản thu học phí, thu khác tại đơn vị đầu năm 2025 theo biểu số 02 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính .

Thời gian công khai: 18/01/2025 đến 18/04/2025.

Hình thức công khai: Niêm yết tại Phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang và đăng trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3: Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bảng tin thông báo(để niêm yết)
- Lưu hồ sơ CK



THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Dự toán thu- chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác tại đơn vị đầu năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số *05* /QĐ-THCSĐG ngày 18 tháng 01 năm 2025 của Trường THCS Đức Giang về việc niêm yết công khai dự toán thu- chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác tại đơn vị đầu năm 2025

Trường THCS Đức Giang thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung:

Công khai dự toán thu- chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác tại đơn vị đầu năm 2025 theo mẫu số 02 Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 18/01/2025 đến ngày 18/04/2025.

3. Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng , cổng thông tin điện tử trường THCS Đức Giang.

4. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Ban giám hiệu, kế toán, TB TTND, công khai tới toàn thể CBGVNV .

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 18/01/2025 đến ngày 18/04/2025.

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường: c2ducgiang@longbien.edu.vn

7. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Chậm nhất là ngày 18/04/2025.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Dự toán thu- chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác đầu năm 2025

Căn cứ Quyết định số/QĐ-THCSĐG ngày 18/01/2025 của Trường THCS Đức Giang về việc công bố công khai dự toán thu- chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác đầu năm 2025.

Hôm nay, vào hồi 08h 00 ngày 18 tháng 01 năm 2025, tại phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang

1. Thành phần gồm có:

- | | |
|---------------------------|---|
| - Bà Nguyễn Thị Soan | Chức vụ: Hiệu trưởng- Người chịu trách nhiệm công khai |
| - Bà: Phạm Thị Bích Hồng | Chức vụ: Trưởng ban thanh tra ND- Người chịu trách nhiệm CK |
| - Bà: Nguyễn Thị Vân Anh | Chức vụ: Thư ký HĐ- Người lập biên bản niêm yết công khai |
| - Bà: Nguyễn Thị Hồng Hải | Chức vụ: Kế toán- Người chịu trách nhiệm niêm yết |

2. Với sự chứng kiến của:

Đ/c: Phạm Lan Anh- Phó hiệu trưởng

3.Nội dung: Đã tiến hành niêm yết công khai dự toán thu- chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học phí, thu khác đầu năm 2025 theo biểu mẫu số 02 Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

4.Thời gian niêm yết: Từ ngày 18 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 18 tháng 04 năm 2025.

5.Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng, cổng thông tin điện tử Trường THCS Đức Giang

Biên bản lập xong vào hồi 8 giờ 10 ngày 18 tháng 01 năm 2025, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.



Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Soan

Ban TTND

Phạm Thị Bích Hồng

Người lập biên bản

Nguyễn Thị Vân Anh

Người chứng kiến

Phạm Lan Anh

Người chịu trách nhiệm niêm yết

Nguyễn Thị Hồng Hải



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Giao: Trường THCS Đức Giang

Chương: 622 Loại: 070 Khoản: 073

(Kèm theo Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	DỰ TOÁN THU	10.154.000
1	Thu sự nghiệp	1.272.500
-	Nguồn để thực hiện CCTL (40%)	509.200
-	Nguồn để chi hoạt động (60%)	763.300
2	Nguồn Ngân sách Quận cấp	8.881.500
-	Kinh phí đảm bảo theo định mức	5.760.600
-	Kinh phí tăng lương chênh lệch và tiền thưởng	2.480.400
-	Kinh phí miễn giảm học phí (4 tháng cuối năm 2025)	640.500
II	DỰ TOÁN CHI	10.154.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	6.908.200
a	Kinh phí đảm bảo theo định mức	5.760.600
-	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	4.878.200
-	Chi khác ngoài lương (1)	882.400
b	Từ 60% (thu sự nghiệp và kinh phí miễn giảm học phí)	1.147.600
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.245.800
a	Kinh phí thực hiện CCTL	2.783.800
-	Từ 40% (thu sự nghiệp và kinh phí miễn giảm học phí)	765.400
-	Kinh phí ngân sách Quận bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương (2)	2.018.400
b	Kinh phí ngân sách Quận bổ sung để thực hiện Quỹ tiền thưởng (3)	462.000

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi đảm bảo hoạt động thường xuyên: kinh phí chăm sóc, duy trì cây xanh, kinh phí phòng cháy chữa cháy, chi trả tiền công hợp đồng (Nhân viên bảo vệ được duyệt, giáo viên thiếu so với biên chế được giao chi trả mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, ...; đã giảm trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định để tích lũy thực hiện tiền lương giai đoạn 2022-2025 và 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024.

(2) Kinh phí ngân sách Quận bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương từ mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng lên mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng sau khi sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

(3) Kinh phí ngân sách Quận bổ sung để thực hiện Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. ✓✓

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Kính gửi - PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH QUẬN LONG BIÊN
- KHO BẠC NHÀ NƯỚC LONG BIÊN

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ;

Căn cứ vào quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 202 của UBND Quận Long Biên về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2025;

Căn cứ vào quyết định số 5299/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND Quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của quận Long Biên;

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025

Căn cứ quy chế khen thưởng năm 2025

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị ;

Trường THCS Đức Giang, lập Dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2025 như sau :

Đơn vị : 1000 đồng

TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán chi năm 2025						
				Tổng cộng	Tổng ngân sách cấp	Ngân sách		Tổng thu sự nghiệp	Thu sự nghiệp	
						Tự chủ	Không tự chủ		60% Thu học phí thực hiện chi thường xuyên	40% Thu học phí chi thực hiện CCTL
1	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11
			TỔNG CỘNG	10,154,000	8,881,500	6,144,900	2,736,600	1,272,500	763,300	509,200
I			QUỸ TIỀN LƯƠNG	7,662,000	7,152,800	4,878,200	2,274,600	509,200	0	509,200
	6000		Tiền lương	4,522,760	4,013,560	2,879,877	1,133,683	509,200	0	509,200
		6001	Lương ngạch bậc	4,522,760	4,013,560	2,879,877	1,133,683	509,200	0	509,200
			Lương ngạch bậc; hệ số 156,987 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	4,408,194	3,898,994	2,806,927	1,092,067	509,200		509,200
			Nâng lương năm 2025; hs 4,08 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	114,566	114,566	72,950	41,616	0		0

TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán chi năm 2025						
				Tổng cộng	Tổng ngân sách cấp	Ngân sách		Tổng thu sự nghiệp	Thu sự nghiệp	
						Tự chủ	Không tự chủ		60% Thu học phí thực hiện chi thường xuyên	40% Thu học phí chi thực hiện CCTL
1	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11
	6100		Phụ cấp lương	1,921,194	1,921,194	1,210,197	710,997	0	0	0
		6101	Phụ cấp chức vụ; hệ số 0,8 x 2.340.000 đồng x12 tháng	19,488	19,488	14,304	5,184	0	0	0
		6112	Phụ cấp ưu đãi; hệ số 43,1671 x 2.340.000 đồng x 12 tháng+ nâng PC ưu đãi năm 2025	1,212,132	1,212,132	771,827	440,305	0	0	0
		6113	Phụ cấp trách nhiệm; hệ số 1,1 x 2.340.000 đồng x 12 tháng	26,796	26,796	19,668	7,128	0	0	0
		6115	Phụ cấp thâm niên; hệ số 22,6173 x 2.340.000 đồng x 12 tháng, nâng TNNG	662,778	662,778	404,398	258,380	0	0	0
	6300		Các khoản đóng góp	1,218,046	1,218,046	788,126	429,920	0	0	0
		6301	BHXX 17%:(LCB + PCCV + TNVK+TNNG) x17%	854,776	854,776	578,462	276,314	0	0	0
		6302	BHYT 3%: (LCB + PCCV + TNVK+TNNG) x3%	171,971	171,971	96,768	75,203	0	0	0
		6303	KPCĐ 2% : (LCB + PCCV + TNVK+TNNG) x2%	115,314	115,314	64,512	50,802	0	0	0
		6304	BHTN 1%: (LCB + PCCV + TNVK+TNNG) x1%	50,657	50,657	32,256	18,401	0	0	0
		6349	BHNN,TNLD 0,5%: (LCB+PCCV+TNVK+TNNG) x 0,5%	25,328	25,328	16,128	9,200	0	0	0
II			CHI HOẠT ĐỘNG	2,492,000	1,728,700	1,266,700	462,000	763,300	763,300	0
	6100		Phụ cấp lương	75,802	0	0	0	75,802	75,802	0
		6105	Phụ cấp làm thêm giờ; căn cứ vào năm trước, ước tính 20.000.000đ/ kỳ x 2 kỳ	40,000	0	0	0	40,000	40,000	0
		6149	Phụ cấp gv thể dục dạy ngoài trời (2gv x 85 tiết/1 tháng x 23.400 đồng x 9 tháng)	35,802	0	0	0	35,802	35,802	0
	6200		Tiền thưởng (NĐ 73/2024/NĐ-CP)	462,000	462,000	0	462,000	0	0	0
		6201	Chi thường thường xuyên	369,600	369,600	0	369,600	0	0	0
			Hoàn thành XS nhiệm vụ: 8 người x hệ số 3 x 3.520.000đ	84,480	84,480	0	84,480	0	0	0

TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán chi năm 2025						
				Tổng cộng	Tổng ngân sách cấp	Ngân sách		Tổng thu sự nghiệp	Thu sự nghiệp	
						Tự chủ	Không tự chủ		60% Thu học phí thực hiện chi thường xuyên	40% Thu học phí chi thực hiện CCTL
1	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11
			Hoàn thành Tốt nhiệm vụ Loại A: 30 người x hệ số 2,5 x 3.520.000 đ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ loại B: 2 người x hệ số 2,0 x 3.520.000	278,080	278,080	0	278,080	0	0	0
			Hoàn thành nhiệm vụ: 2 người x hệ số 1 x 3.520.000 đ	7,040	7,040	0	7,040	0	0	0
		6202	Chi thưởng đột xuất	92,400	92,400	0	92,400	0	0	0
			Khen thưởng mức 1: 6 người x hệ số 5 x 2.340.000 đ	73,680	73,680	0	73,680	0	0	0
			Khen thưởng mức 2: 2 người x hệ số 4 x 2.340.000đ	18,720	18,720	0	18,720	0	0	0
		6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	312,528	312,528	312,528	0	0	0	0
		6501	Nộp tiền điện; (12.000 số/1 tháng x 1.771 đ/1 số x 12thg)	255,024	255,024	255,024	0	0	0	0
		6502	Nộp tiền nước; (400m3/1 tháng x 9.955 đ/1m3 x 12 thg)	47,784	47,784	47,784	0	0	0	0
		6504	TT tiền VSMT; (TB 8m3/1 tháng x189,091đ/1m3 x 10 thg)	9,720	9,720	9,720	0	0	0	0
		6550	Vật tư văn phòng	257,800	147,800	147,800	0	110,000	110,000	0
		6551	Văn phòng phẩm; Ước tính 50tr đồng /1 học kỳ x2 học kỳ	100,000	50,000	50,000		50,000	50,000	
		6553	Khoản văn phòng phẩm; 55 người x 300.000 đ/1 kỳ x2 kỳ, khoản phần cho GVCN: 24 lớp x 100.000đ/ kỳ x 2 kỳ	37,800	37,800	37,800	0	0	0	0
		6599	VTVP khác: Bảng biểu trang trí, vật rê mau hóng 50tr/1 kỳx2	120,000	60,000	60,000	0	60,000	60,000	
		6600	Thông tin liên lạc	90,896	50,896	50,896	0	40,000	40,000	0
		6601	Cước phí điện thoại; 80.000 đồng/1 tháng x 12 tháng	600	600	600	0	0	0	0
		6605	Cước Internet 3 đường truyền; 1tr đ/1 tháng x 12 thg	10,296	10,296	10,296	0	0	0	0
		6608	Sách báo, tạp chí thư viện ...' 40.000.000 đồng /1 học kỳ x 2	80,000	40,000	40,000	0	40,000	40,000	0
		6650	Hội nghị	80,000	0	0	0	80,000	80,000	0
		6657	Thuê thiết bị âm thanh, trang phục biểu diễn; 2tr/1 hn x 5hn	60,000	0	0	0	60,000	60,000	0
		6699	Mua hoa, cắt dán khẩu hiệu trang trí; 2triệu đồng /1 hn x 5hn	20,000	0	0	0	20,000	20,000	0

LONG
ƯỜNG
HỌC CƠ
GIANG

TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán chi năm 2025						
				Tổng cộng	Tổng ngân sách cấp	Ngân sách		Tổng thu sự nghiệp	Thu sự nghiệp	
						Tự chủ	Không tự chủ		60% Thu học phí thực hiện chi thường xuyên	40% Thu học phí chi thực hiện CCTL
1	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11
	6700		Công tác phí	7,200	0	0	0	7,200	7,200	0
		6704	Khoản công tác phí cho nhân viên kế toán và văn thư; 300.000 đồng/1 người/1thg (300.000đ x2 người x 12thg)	7,200	0	0	0	7,200	7,200	0
	6750		Chi phí thuê mướn	568,400	368,000	368,000	0	200,400	200,400	0
		6757	Thuê lao động trong nước	408,000	297,600	297,600	0	110,400	110,400	0
			Trả công HĐ 3 nhân viên bảo vệ x 4.960.000 đồng x 12thg	178,560	178,560	178,560	0	0	0	0
			Trả công HĐ 1 nhân viên lao công x 9.200.000 đồng x 12thg	110,400	0	0	0	110,400	110,400	0
			Trả công HĐ 01 NVCNTT x 4.960.000đ x 12thg	59,520	59,520	59,520	0	0	0	0
			Trả công HĐ 01 TPT x 4.960.000đ x 12thg	59,520	59,520	59,520	0	0	0	0
		6799	Chi phí thuê mướn khác	160,400	70,400	70,400	0	90,000	90,000	0
			Chi các hoạt động khác; Thuê phun khử khuẩn, khơi thông cống rãnh, bể phốt; 30tr /1 học kỳ x2 hk, thuê trang phục các ngày lễ.....	100,000	30,000	30,000	0	70,000	70,000	0
			Thuê người; dọn dẹp, cắt cỏ, làm vườn, chăm cây, chặt cây, tỉa cành...; Ước tính 30tr/1 kỳ	60,400	40,400	40,400	0	20,000	20,000	0
	6900		Sửa chữa thường xuyên	240,000	80,000	80,000	0	160,000	160,000	0
		6912	Các thiết bị công nghệ thông tin: sửa chữa thay thế linh kiện máy tính, máy in, máy scan: 40 triệu/ 1 kỳ x 2 kỳ	100,000	40,000	40,000	0	60,000	60,000	0
		6913	Tài sản và thiết bị văn phòng: sửa chữa, bảo trì, thay thế linh kiện máy photo: 25 triệu/ kỳ x 2 kỳ	50,000	20,000	20,000	0	30,000	30,000	0
		6921	Sửa chữa đường điện, cấp thoát nước; 20tr / 1 kỳ x 2	40,000	0	0	0	40,000	40,000	0
		6949	Chi sửa chữa các tài sản khác; Cửa, hàng rào, bàn ghế, quét sơn, vôi vè, bả, quét trần..25tr/1 kỳ x2	50,000	20,000	20,000	0	30,000	30,000	0

TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán chi năm 2025						
				Tổng cộng	Tổng ngân sách cấp	Ngân sách		Tổng thu sự nghiệp	Thu sự nghiệp	
						Tự chủ	Không tự chủ		60% Thu học phí thực hiện chi thường xuyên	40% Thu học phí chi thực hiện CCTL
1	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	268,900	208,900	208,900	0	60,000	60,000	0
		7001	Chi mua hàng hóa vật tư dùng cho chuyên môn; đồ dùng dạy học 25tr/1hk	50,000	50,000	50,000	0	0	0	0
		7004	Đồng phục, trang phục; GV dạy thể dục; 02 gv x 3.000.000 đồng /1 gv + 03 NV bảo vệ+ y tế + lao công x 500.000đ/1 người	8,500	8,500	8,500	0	0	0	0
		7049	Các chi phí khác cho hoạt động chuyên môn: 55 triệu /1 kỳ x 2 kỳ	110,000	50,000	50,000	0	60,000	60,000	0
		7049	Làm chuyên đề, hội giảng, thi giáo viên giỏi các cấp, ôn thi, chấm thi, thanh tra, kiểm tra các hoạt động tổ nhóm...	25,000	25,000	25,000	0	0	0	0
		7049	Chi hỗ trợ hoạt động chuyên môn, học chuyên môn nghiệp vụ..	25,000	25,000	25,000	0	0	0	0
		7049	Trà công 01 giáo viên dạy hợp đồng theo tiết = (80 tiết/1 tháng x 70.000 đồng /1 tiết x 9 tháng)	50,400	50,400	50,400	0	0	0	0
	7050		Mua sắm tài sản vô hình	38,000	22,000	22,000	0	16,000	16,000	0
		7053	Mua sắm, bảo trì, nâng cấp phần mềm; Công thông tin điện tử, Kế toán, Quản lý, BHXH, Tài sản, Hóa đơn điện tử, chữ ký số, mua phần mềm thư viện...	38,000	22,000	22,000	0	16,000	16,000	0
	7750		Chi khác	90,474	76,576	76,576	0	13,898	13,898	0
		7799	Các khoản chi khác; Chi cho công tác phòng cháy, chữa cháy, mua cây hoa, cây cảnh trang trí khung cảnh sư phạm ...; 50 tr/1 học kỳ x2 hk	90,474	76,576	76,576	0	13,898	13,898	0

Phòng TC-KH Quận Long Biên

Kế toán

Ngày 18 tháng 01 năm 2025



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thanh Nam

Nguyễn Thị Hồng Hải



Nguyễn Thị Soan